Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07DD (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD202

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07148134	LÊ THỊ THANH	THẢO	08/05/88			7	bảy
2	07148137	NGUYỄN TRỌNG	THẮNG	04/07/88			6	Sáu
3	07148138	NGUYỄN THỊ MAI	THI	05/11/88			7	bảy
4	07148141	PHẠM THỊ	THƠ	15/11/89			8	tám
5	07148143	MAI THỊ MỘNG	THU	22/04/89			8	tám
6	07148146	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THỦY	06/06/89			8	Tám
7	07148145	PHẠM THỊ BÍCH	THỦY	24/12/89			7	bảy
8	07148149	NGUYỄN THANH	TIỀN	07/10/89			7	bảy
9	07148150	LÊ BÁ	TIẾN	22/12/89			8	tám
10	07148151	NGUYỄN VĂN	TOÀN	05/01/89			7	bảy
11	07148153	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	13/10/89			8	Tám
12	07148155	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	11/12/89			6	Sáu
13	07148165	NGUYỄN THANH TUYẾT	TRINH	23/07/89			8	tám
14	07148166	TẠ NGỌC THỦY	TRÚC	28/01/89			7	bảy
15	07148168	NGUYỄN VŨ MINH	TRUNG	18/04/89			6	Sáu
16	07148172	PHẠM MINH	TÙNG	26/12/89			7	bảy
17	07148175	NGUYỄN NHƯ THỊ CẨM	TUYỀN	20/04/88			7	bảy
18	07148178	LÊ THỊ	VĂN	20/06/88			7	bảy
19	07148184	TRẦN NGỌC	VINH	30/06/86			7	bảy
20	07148185	TRƯƠNG THỊ KIỀU	VY	05/10/88			7	Bảy
21	07148186	DƯƠNG THỤY MỸ	Ý	12/04/89			8	Tám
22	07148187	CHÂU BẢO	YẾN	18/06/89			7	bảy
23	07148190	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	29/06/89			7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo: Ngày 14 tháng 06 năm 2008
Số sinh viên dự thi: 23 Số bài: 23 Sờ tờ: 3f

Cán bộ coi thi 1_____ Cán bộ coi thi 2_____ Hà Thị Thảo Trân

Xác nhận của bộ môn_____ Cán bộ chấm thi 1_____ Cán bộ chấm thi 2_____

TS. Võ Thị Hồng

TS Phạm Văn Bông

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07DD (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD201

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07148072	DOÃN THÙY	LINH	28/08/89			6	Sáu
2	07148070	LÊ THỊ MAI	LINH	14/12/89			7	Bảy
3	07148078	THÁI THỊ HÀ	MAI	10/10/89			8	tám
4	07148082	PHẠM PHÚ	MINH	02/09/84			6	Sáu
5	07148083	DƯƠNG THỊ TIỂU	MY	26/01/89			8	tám
6	07148084	NGUYỄN THANH	MỲ	12/01/89			8	tám
7	07148085	NGUYỄN THỊ LỆ	MỸ	13/04/89			7	bảy
8	07148091	NGÔ THỊ HỒNG	NGỌC	12/03/89			7	Bảy
9	07148093	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	23/07/89			9	Chín
10	07148095	ĐẶNG THỊ	NHẬN	01/01/89			7	bảy
11	07148096	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHI	10/11/88			8	tám
12	07148097	PHẠM THÚY	NHI	21/01/88			6	Sáu
13	07148099	TRẦN THỊ	NINH	06/08/89			7	bảy
14	07148193	MAI LƯ NỮ THỊ KIM	OANH	19/05/87			7	bảy
15	07148106	TRẦN MAI	PHƯƠNG	04/08/89			8	tám
16	07148116	LÊ THÀNH	QUÝ	05/11/89			4	bốn
17	07148118	HỒNG MỸ	QUYÊN	14/01/89			8	tám
18	07148117	NGUYỄN HUỲNH HẠNH	QUYÊN	04/12/89		V		
19	07148121	NGUYỄN THỊ XUÂN	SA	08/03/89			9	Chín
20	07148123	HUỲNH BÁ	SANH	16/01/89			7	bảy
21	07148127	LÊ ĐÌNH THANH	TÂM	05/05/89			7	bảy
22	07148125	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÂM	17/08/89			9	Chín
23	07148128	NGUYỄN VIỆT	TÂN	12/08/89			7	bảy
24	07148194	BÙI THỊ NGỌC	THANH	16/11/88			8	tám

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo. Ngày 14 tháng 6 năm 2008
Số sinh viên dự thi: 23 Số bài: 23 Sờ tờ: 24

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

TS Phạm Văn Phương

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07VT (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD305

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07156003	LÊ THỊ THANH	BÌNH	06/11/89				
2	07156014	VÕ THỊ	HIỀN	11/11/89			7	Bảy
3	07156016	NGUYỄN THỊ	HIẾU	08/05/88			6	Sáu
4	07156017	TRẦN QUANG	HUY	25/05/89			6	Sáu
5	07156020	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	KIỀU	15/06/89			7	Bảy
6	07156021	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU	21/03/89			7	Bảy
7	07156023	LÂM THỊ THANH	LOAN	30/03/89			7	Bảy
8	07156024	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	20/12/89			7	Bảy
9	07156025	TRẦN THỊ MINH	NGHĨA	02/07/89			5	Năm
10	07156029	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	01/12/89			7	Bảy
11	07156031	NGUYỄN VƯƠNG	QUỐC	20/04/89			6	Sáu
12	07156033	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	06/08/88			8	Tám
13	07156034	HOÀNG TRỌNG	QUỲNH	12/10/89			6	Sáu
14	07156036	HỒ LÊ	TẤN	13/09/89			6	Sáu
15	07156038	NGUYỄN THỊ	THẢO	01/01/89			7	Bảy
16	07156037	PHẠM NGỌC	THẢO	11/08/88			6	Sáu
17	07156040	CAO ANH	THI	22/02/89			8	Tám
18	07156046	NGUYỄN THANH	TUẤN	24/12/88			4	Bốn
19	07156049	BÙI THỊ HOÀNG	VI	03/12/89			6	Sáu
20	07156051	LÊ THỊ KIM	YẾN	23/06/89			7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 19 Số bài: 19 Sờ tờ: 27

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07SH (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD303

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07126064	TRẦN MINH	HIẾU	11/10/88				
2	07126067	HUỲNH THÁI	HÒA	12/12/88			6	Sáu
3	07126068	NGUYỄN VĂN	HOÀN	08/02/89			6	Sáu
4	07126074	NGUYỄN ĐÌNH NHẬT	HOÀNG	04/12/89				
5	07126085	CHU LƯƠNG	HÚY	25/09/89			3	ba
6	07126087	NGUYỄN NGỌC BÍCH	HUYỀN	27/07/89				
7	07126093	ĐINH THỊ HẢI	HƯƠNG	18/05/89			8	tám
8	07126095	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	05/06/87				
9	07126096	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	06/06/89			7	bảy
10	07126249	TRẦN TẤN	KHẢI	16/06/88			8	tám
11	07126104	ĐINH QUỐC	KHÁNH	19/04/89				
12	07126248	MÃ	KHÂM	07/12/87			5	năm
13	07126105	HUỲNH KHOA	KHÔI	11/07/89			6	Sáu
14	07127068	LÊ	KIÊN	27/10/89				
15	07126109	NGUYỄN THỌ	LÂM	11/07/89				
16	07126111	BÙI THỊ THÚY	LIỄU	24/06/89			4	bốn
17	07126112	NGUYỄN THỊ	LIỆU	20/02/89			7	bảy
18	07126113	ĐẶNG DUY	LINH	19/05/89			6	Sáu
19	07126115	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	02/08/89			8	tám
20	07126116	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	14/03/89			8	Tám
21	07126118	ÔNG THANH	LONG	17/01/89			0	Không
22	07126122	VÕ TẤN	LỰC	24/12/89			8	Tám
23	07126126	NGUYỄN THỊ LY	NA	04/10/89				
24	07126250	TRƯƠNG HẢI	NAM	16/12/88			7	bảy
25	07126251	ĐOANH THỊ	NGA	21/12/86			7	bảy
26	07126128	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	08/06/89			7	bảy
27	07126130	HUỲNH DIỆU	NGỌC	24/11/89			6	Sáu
28	07126132	TRẦN CAO	NGUYÊN	05/08/89				
29	07126136	NGUYỄN LÝ	NHƠN	30/05/89			8	tám
30	07126142	ĐẶNG VĂN	PHÁT	03/02/89			6	Sáu
31	07126252	CHAU	PHI	29/11/86			5	năm
32	07126146	TRẦN VĂN	PHỤNG	24/12/89			7	bảy
33	07126151	TRẦN NGUYỄN ANH	QUANG	17/11/89			7	bảy
34	07126153	NGUYỄN THỤY NGUYỆT	QUẾ	26/10/89			4	bốn

bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Sờ tờ: 34

Cán bộ coi thi 1 Thanh Chuý

Cán bộ coi thi 2 Trần L.L. Thảo

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1 TS. Phạm Văn Bình

Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07SH (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD304

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07126155	PHAN THỊ	QUYÊN	29/09/89			8	tám
2	07126156	LĂNG ĐỨC	QUỲNH	06/04/89			6	sáu
3	07126157	HUỲNH ĐĂNG	SANG	27/05/89			8	tám
4	07126158	NGUYỄN HỒNG	SANG	15/01/89			Vắng	
5	07126160	DƯƠNG PHÚ	SĨ	12/10/89			8	tám
6	07126163	NGUYỄN THỊ THU	SƯƠNG	20/01/89			6	sáu
7	07126166	NGUYỄN MINH	TÂN	25/10/89			7	bảy
8	07126170	MÃ YẾN	THANH	04/08/88			6	sáu
9	07126172	PHẠM ĐÌNH	THÀNH	01/10/84			7	bảy
10	07126177	BÙI THANH	THẢO	25/07/89			6	sáu
11	07126178	TRẦN THANH	THẢO	10/10/88			7	bảy
12	07126176	VŨ THỊ PHƯƠNG	THẢO	01/11/89			8	tám
13	07126183	TRẦN VĂN	THÔNG	02/09/89			8	tám
14	07126184	NGUYỄN THỊ	THỜI	19/05/89			7	bảy
15	07126185	LÊ THỊ	THƠM	12/02/89			8	tám
16	07126186	NGUYỄN THỊ YẾN	THU	18/05/89			7	bảy
17	07126190	TRẦN THỊ BÍCH	THÚY	12/01/88			7	bảy
18	07126193	ĐINH QUỐC	THƯỢNG	16/08/89			7	bảy
19	07126197	NGUYỄN ANH	TÍN	22/10/89			6	sáu
20	07126198	PHAN HỮU	TÍN	09/09/89			8	tám
21	07126203	ĐỖ THANH	TRÀ	29/08/89			7	bảy
22	07126253	DANH QUỐC	TRANG	30/07/87			7	bảy
23	07126206	HUỲNH THỊ XUÂN	TRANG	12/10/89			7	bảy
24	07126209	LÊ MINH	TRÍ	07/09/89			7	bảy
25	07126213	NGUYỄN MAI	TRINH	10/05/89			8	tám
26	07126214	TRƯƠNG THỊ TUYẾT	TRINH	03/09/88			7	bảy
27	07126220	LÊ QUANG	TRUNG	22/07/89			Vắng	
28	07126221	LÊ QUANG	TRUNG	20/02/89			7	bảy
29	07126224	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	22/12/89			7	bảy
30	07126225	TRẦN THỊ PHƯƠNG	TÚ	20/07/89			7	bảy
31	07126231	TĂNG TRƯỜNG	TUYỀN	20/12/89			Vắng	
32	07126232	TRƯƠNG MINH	TƯỜNG	20/11/89			7	bảy
33	07126244	TĂNG NGỌC KIỀU	VY	29/06/89			7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo. Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Số sinh viên dự thi: 30 Số bài: 30 Sờ tờ: 54

Cán bộ coi thi 1 BUI TRANG PHUONG NAM Cán bộ coi thi 2 Vũ Thu Nga

Xác nhận của bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07SH (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD302

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07126001	LÂM THỊ DIỆU	ÁI	21/06/88			7	bảy
2	07126009	ĐỖ BẢO TRÂM	ANH	27/10/89			8	tám
3	07126005	LÊ HOÀNG DUYÊN	ANH	24/10/89			5	năm
4	07126006	NGUYỄN VŨ NGỌC	ANH	03/01/89				
5	07126012	LÊ THỊ	ÁNH	22/08/88			4	bốn
6	07126010	TRẦN NỮ NGỌC	ÁNH	27/05/90			6	Sáu
7	07126246	DANH	ÂN	24/12/86			7	bảy
8	07126013	NGUYỄN HỒNG	ÂN	06/10/88			6	Sáu
9	07126018	LÊ THỊ NGỌC	BÍCH	05/12/89			8	tám
10	07126021	LÊ THỊ LAN	CHI	02/12/88			8	tám
11	07126023	NGUYỄN VĂN	CHÍ	23/12/89			8	tám
12	07126024	CAO DOÃN	CHINH	12/12/89			7	Bảy
13	07126028	HUỲNH TUẤN	CƯỜNG	05/09/89			6	Sáu
14	07126034	HOÀNG LỆ	DUNG	25/10/89			6	Sáu
15	07126040	ĐẶNG THANH	DUYÊN	27/03/89			5	Năm
16	07126045	HUỲNH QUỐC	ĐẠT	06/12/89			7	bảy
17	07126046	LÊ	ĐẮC	04/02/89			6	Sáu
18	07126047	PHAN QUỐC	ĐÌNH	08/06/89			8	tám
19	07126247	DANH KIM	ĐƯỢC	05/07/88			8	tám
20	07126052	ĐINH THỊ	HÀ	20/10/88			9	Chín
21	07126053	HUỲNH THỊ THU	HÀ	17/02/89				
22	07126051	TRẦN HẢI	HÀ	24/03/89			7	bảy
23	07126054	VÕ THIỀN THI	HẠ	03/09/89			6	Sáu
24	07126056	NGUYỄN TRỌNG	HẢI	25/12/89			7	bảy
25	07126058	NGUYỄN THÙY	HẠNH	03/05/89				
26	07126060	HỒ THỊ	HIỀN	03/02/89				
27	07126062	DƯƠNG CÔNG	HIỆP	28/09/87				

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Sờ tờ: 34

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 _____ Cán bộ coi thi 2 _____

Xác nhận của bộ môn _____ Cán bộ chấm thi 1 _____ Cán bộ chấm thi 2 _____

TS. Võ Thị Hồng

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07QR (Nhóm Thi 2) - Tổ 003 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD301

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07147180	LÊ ĐỨC	THỌ	06/06/89				
2	07147181	NGUYỄN THỊ MINH	THU	18/08/89			5	Năm
3	07147182	PHẠM VĂN	THUẦN	17/03/88			6	Sáu
4	07147092	LÊ ĐỨC	THUẬN	14/04/89			7	Bảy
5	07147183	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	31/12/89			7	bảy
6	07147185	NGUYỄN XUÂN	THỦY	29/06/86			5	năm
7	07147094	NGUYỄN ĐẠI	TIẾN	06/11/89			6	Sáu
8	07147097	BÙI ĐỨC	TÍN	01/11/88			6	Sáu
9	07147098	PHẠM VĂN	TÍN	10/09/88			8	tám
10	07147188	TRẦN VĂN	TÍNH	20/07/89			4	bốn
11	07114100	NGUYỄN NGỌC	TOÀN	. / /85			5	năm
12	07147100	LÊ QUỐC	TRÍ	19/05/89			7	bảy
13	07147192	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRIỀU	13/05/89			6	Sáu
14	07147101	CAO THỊ AN	TRINH	19/06/89			4	bốn
15	07147194	NGÔ THỊ KIM	TRÚC	29/04/89			4	bốn
16	07147196	NGUYỄN XUÂN	TRUNG	30/04/89				
17	07147102	TRẦN MINH	TRUNG	/ /89			5	Năm
18	07147104	QUÁCH HỮU	TRƯỜNG	05/09/89			7	Bảy
19	07147197	TRƯƠNG VĂN	TÙNG	20/09/88			1	một
20	07147198	NGUYỄN BÁ	TUYÊN	25/02/88			6	Sáu
21	07147110	DƯƠNG THỊ ÁNH	TUYẾT	05/01/89			7	Bảy
22	07147111	NGUYỄN ANH	VĂN	19/01/89				
23	07147201	PHÙNG	VĂN	20/02/89				
24	07147112	DƯƠNG THÀNH	VÂN	06/04/88			6	Sáu
25	07147203	THÁI THỊ	VÂN	02/06/89			8	tám
26	07147113	PHAN XUÂN	VĨ	06/06/88			7	bảy
27	07147207	ĐẶNG THỊ BỀN	VỮNG	20/09/89			5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 25 Số bài: 25 Sờ tờ: 28

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Lê Nguyễn Mai Anh Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn TS. Võ Thị Hồng

Cán bộ chấm thi 1 Phạm Văn Bang Cán bộ chấm thi 2

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07QR (Nhóm Thi 2) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD204

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07147039	NGUYỄN NGUYÊN	KHANG	27/05/88		Khang	6	Sáu
2	07147148	THÁI ĐÌNH	LAI	20/12/89			6	Sáu
3	07147150	TRẦN HOÀNG NGỌC	LAN	15/05/89			7	bảy
4	07147043	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	20/02/88			6	Sáu
5	07147044	THÁI HOÀNG	LÂM	24/10/89			6	Sáu
6	07147045	TRẦN HOÀNG	LÂM	28/06/88			7	bảy
7	07147046	TRẦN NHO	LIÊM	19/09/89		V		
8	07147047	BÙI QUỐC	LINH	05/10/86		V		
9	07147049	NGUYỄN THANH FA	LƠ	14/04/88		V		
10	07147051	TRƯƠNG HOÀNG	LUÂN	17/05/89			7	bảy
11	07147052	VÕ ĐÌNH	LUẬN	15/12/88			6	Sáu
12	07147054	THÁI VĂN	LƯỢNG	20/09/89			6	Sáu
13	07147055	ĐỖ TRỌNG	LY	30/10/89			6	Sáu
14	07147062	NGUYỄN THÀNH	NAM	25/12/89		Nam	6	Sáu
15	07147061	NGUYỄN THỊ THANH	NAM	05/09/89		V		
16	07147156	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	29/10/89			8	tám
17	07147064	TRẦN THỊ	NGHĨA	20/08/89			5	năm
18	07147158	TRƯƠNG THỊ	NGUYỆT	30/10/89		V		
19	07147160	NGUYỄN THỊ KIM	NHỊ	02/08/89			7	bảy
20	07147163	NGUYỄN VĂN	NHƯ	14/02/88		V		
21	07147068	HOÀNG TRUNG	PHONG	01/08/89			7	bảy
22	07147165	NGUYỄN NGỌC	PHÚC	19/10/89			5	năm
23	07147166	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	27/12/89			6	Sáu
24	07147167	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	10/12/89			5	năm
25	07147073	TRẦN VĂN	QUÂN	29/09/87			8	tám
26	07147075	VŨ KIM	SÁNG	24/04/88			4	bốn
27	07147211	NGUYỄN THỊ THIỆN	TÂM	02/01/89		V		
28	07147084	ĐINH THỊ THU	THẢO	10/06/88		V		
29	07147178	PHẠM VŨ THU	THẢO	14/05/89			7	bảy
30	07147177	TRẦN THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/08/88			7	bảy
31	07147087	ĐOÀN KIM	THẮNG	01/07/88		V		
32	07147088	PHẠM VĂN	THẮNG	20/02/89			7	bảy
33	07147089	PHẠM PHÚC	THẬP	10/08/89			7	bảy
34	07147090	LÊ VĂN	THẾ	22/02/88			7	bảy
35	07147179	HOÀNG PHƯƠNG	THỊNH	28/09/87			3	ba

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 26 Số bài: 26 Sờ tờ: 35

Ngày 14 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Võ Ngọc Dung

Xác nhận của bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

TS. Võ Thị Hồng

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07QR (Nhóm Thi 2) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi RD203

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07147001	LÊ ĐỨC	ANH	03/04/89	V			
2	07147005	NGUYỄN THANH	BÌNH	09/04/89	2		8	Tám
3	07147007	HUỲNH VIỆT	CHƯƠNG	07/05/89	V			
4	07147008	VŨ THÀNH	CÔNG	20/09/88	2		7	Bảy
5	07147009	ĐIỂU	CU	08/11/88	1		6	Sáu
6	07147119	NGUYỄN NGỌC	CUNG	17/04/87	1		6	Sáu
7	07147012	NÔNG VĂN	CƯỜNG	02/01/87	1		6	Sáu
8	07147015	LÊ HỮU	DUY	20/12/87	1		5	Năm
9	07147123	ĐỖ HUY	ĐỊNH	05/01/88	1		7	bảy
10	07147018	ĐÀO VŨ THỤC	ĐOAN	10/05/89	V			
11	07147021	PHẠM QUỐC	ĐƯƠNG	22/10/88	V			
12	07147125	TRẦN THỊ KIM	GIANG	21/07/89	1		5	Năm
13	07147022	PHẠM VĂN	HÀ	15/05/89	1		5	Năm
14	07147023	CAO NAM	HẢI	16/10/88	1		6	Sáu
15	07147025	HOÀNG THỊ	HẠNH	23/12/89	V			
16	07147130	NGUYỄN VĂN	HẠNH	04/07/89	2		7	bảy
17	07147129	PHAN THỊ MỸ	HẠNH	17/11/89	1		6	Sáu
18	07147132	DOÃN THỊ THU	HẰNG	15/08/89	1		5	Năm
19	07147026	PHẠM THỊ	HẰNG	01/09/89	2		7	bảy
20	07147027	VÕ HỒ THÚY	HẰNG	11/07/89	V			
21	07147133	BÙI ĐỨC	HẬU	04/10/89	V			
22	07147134	ĐẶNG ĐÌNH	HIẾU	21/10/88	1		6	Sáu
23	07147135	PHẠM TRUNG	HIẾU	03/09/89	1		6	Sáu
24	07147136	LÊ VĂN	HÒA	01/07/89	V			
25	07147029	ĐOÀN NGỌC	HOÀI	02/12/88	1		6	Sáu
26	07147030	NGUYỄN VĂN	HOÀN	06/12/89	1		6	Sáu
27	07147031	TRẦN MINH	HOÀNG	06/09/89	1		7	Bảy
28	07147032	VÕ THÁI	HOÀNG	26/08/88	1		6	Sáu
29	07147139	LÊ NGUYỄN THU	HỒNG	12/07/87	2		7	bảy
30	07147141	LÊ NGUYÊN	HUY	28/04/89	2		7	bảy
31	07147036	TRIỆU TÔ TÚ	HUY	13/02/89	1		4	bốn
32	07147037	LÊ TIẾN	HƯNG	22/10/88	1		5	Năm
33	07147145	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	14/04/89	2		6	Sáu
34	07147038	PHẠM XUÂN	HƯƠNG	08/04/89	1		6	Sáu
35	07147146	TRƯƠNG THỊ THU	HƯỜNG	20/12/88	2		7	bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 27 Số bài: 27 Sờ tờ: 35

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1_____ Cán bộ coi thi 2_____

Xác nhận của bộ môn_____ Cán bộ chấm thi 1_____ Cán bộ chấm thi 2_____

TS. Võ Thị Hồng

Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi Lớp DH07TY (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi 14/06/08 Giờ thi: 09g30 - 90 phút Phòng thi TV201

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07112001	VŨ THỊ THÚY	AN	20/06/88			7	bảy
2	07112006	PHAN KHÁNH	ÂN	10/08/89			6	Sáu
3	07112008	NGUYỄN VĂN	BINH	/ /86			7	bảy
4	07112009	NGUYỄN QUỐC	BÌNH	17/07/89			8	Tám
5	07112010	NGUYỄN VÕ	BÌNH	15/08/89			6	Sáu
6	07112015	TRẦN MINH	CHƠN	10/10/89			7	bảy
7	07112016	ĐỖ THÀNH	CHUNG	13/12/89			5	Năm
8	07112018	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	13/10/89			9	hai
9	07112022	LÊ QUỐC	CƯỜNG	28/10/89			8	Tám
10	07112021	NGUYỄN ĐỨC	CƯỜNG	21/05/88			6	Sáu
11	07112023	TRẦN VĂN	DA	20/10/87			6	Sáu
12	07112026	LÊ HUỲNH PHƯƠNG	DUNG	21/04/89			6	Sáu
13	07112029	BÙI HỮU	DŨNG	27/10/88			7	bảy
14	07112033	NGUYỄN HỮU	DUY	19/11/87			6	Sáu
15	07112034	NGUYỄN QUỐC	DUY	10/09/89			6	Sáu
16	07112036	NGUYỄN NGỌC ÁNH	DƯƠNG	10/11/88			4	bốn
17	07112037	TRẦN NGUYỄN BẢO	ĐAN	26/10/89			2	hai
18	07112039	CAO MINH	ĐẠO	12/07/89			6	Sáu
19	07112038	MAI ĐỨC	ĐẠO	15/04/88			0	không
20	07112043	PHẠM VĂN	ĐIỀN	25/08/89				
21	07112044	ĐỖ THỤY HỒNG	ĐIỆP	02/02/89			7	bảy
22	07112047	PHÙNG MINH	ĐỨC	02/10/89			7	bảy
23	07112046	TRẦN HỮU	ĐỨC	28/12/88			4	bốn
24	07112051	LÝ VĂN	ĐƯỜNG	03/10/86			6	Sáu
25	07112054	NGUYỄN LINH	GIANG	20/01/89			6	Sáu
26	07112057	TRẦN TRỌNG	GIÁO	03/01/88			7	bảy
27	07112059	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	25/02/89			7	bảy
28	07112060	VŨ NGỌC	HÀ	30/08/88			6	Sáu
29	07112061	HOÀNG	HẢI	05/07/89			7	bảy
30	07112063	NGUYỄN THỊ MINH	HẢI	12/06/88			6	Sáu
31	07112062	VŨ HỮU	HẢI	01/04/89			6	Sáu
32	07112066	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	22/07/89			8	Tám
33	07112067	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	03/03/89			7	bảy
34	07112069	LƯƠNG CHÍ	HÀO	15/12/89			7	bảy
35	07112070	BỦI THANH	HẰNG	03/09/89			5	Năm
36	07112071	CAO THỊ THANH	HẰNG	02/03/89			7	bảy

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Triết học Mác Lê Nin (00109) - Số Tín Chỉ: 6
Nhóm Thi: Lớp DH07TY (Nhóm Thi 3) - Tổ 001 - Đợt 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07112072	ĐỖ THỊ THANH	HẰNG	15/03/89			8	Tám
38	07112073	LÊ THỊ	HẰNG	02/11/89			5	Năm
39	07112074	PHẠM	HIỀN	12/10/87			6	Sáu
40	07112080	PHẠM TRUNG	HIẾU	25/06/89			6	Sáu
41	07112077	TRƯƠNG QUỐC	HIẾU	14/07/88			8	Tám
42	07112079	VŨ TRÍ	HIẾU	10/01/89			6	Sáu
43	07112081	TRẦN THỊ THU	HOÀI	26/01/89			7	bảy
44	07112083	ĐẶNG VĂN	HOÀN	09/08/89			5	Năm
45	07112089	NGUYỄN THỊ	HỚI	17/12/89			3	ba
46	07112090	NGUYỄN KIM	HUỆ	17/06/89			6	Sáu
47	07112091	NGUYỄN TẤN	HÙNG	30/07/88			7	bảy
48	07112306	TRẦN QUANG	HUY	05/11/88			7	bảy
49	07112097	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	23/09/89			6	Sáu
50	07112098	TRẦN THANH	HUYỀN	25/02/90			7	bảy
51	07112099	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	22/10/88			3	ba
52	07112101	TẠ THANH	HƯƠNG	14/12/89			7	bảy
53	07112100	TRẦN THỊ HOÀNG	HƯƠNG	26/04/89			6	Sáu
54	07112103	TRẦN THỊ THU	HƯƠNG	23/11/89			3	ba
55	07112107	VÕ THỊ	KHẢI	15/08/89			6	Sáu
56	07112108	NGUYỄN TUẤN	KHANH	15/06/88			7	bảy
57	07112112	PHẠM ĐĂNG	KHÊ	13/11/88			6	Sáu
58	07112115	NGUYỄN NGỌC	KHUYÊN	07/09/89			8	Tám
59	07112307	HỒ TRUNG	KIÊN	10/04/88			2	hai
60	07112118	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	15/02/89				
61	07112122	NGUYỄN THỊ	LÊ	05/04/89			6	Sáu
62	07112123	NGUYỄN CHÍ	LINH	16/07/89			7	bảy
63	07112124	PHẠM CHÍ	LINH	11/11/87			7	bảy
64	07112125	PHẠM HỮU	LINH	07/07/88				
65	07112128	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	17/09/89			6	Sáu
66	07112130	NGUYỄN VĂN	LONG	02/03/89			8	Tám
67	07112132	VƯU TẤN	LỘC	21/07/88			6	Sáu
68	07112136	NGUYỄN THANH	LUYỄN	19/01/88			7	bảy
69	07112142	BÙI THỊ	LÝ	27/10/88			7	bảy
70	07112140	LÊ CÔNG	LÝ	04/11/89			7	Bảy
71	07112143	NGUYỄN THỊ	LÝ	14/04/89			7	bảy
72	07112146	NGUYỄN THỊ TUYẾT	MAI	01/12/89			5	Năm
73	07112308	CHAU SA	MÁT	07/06/83			7	bảy
74	07112148	LÊ MINH	MẪN	20/01/89			6	Sáu